Tiếp tục trầm lắng

15/12/2021

Thị trường tiếp tục có diễn biến trầm lắng với đa phần các mã đều biến động trong biên độ hẹp, điều này cũng phản ánh diễn biến trầm lắng của nhóm cổ phiếu vốn hoá lớn trên thị trường cơ sở. Chúng tôi tiếp tục khuyến nghị NĐT tiếp tục quan sát những diễn biến tiếp theo của thị trường cơ sở, đặc biệt là sau phiên đáo hạn phái sinh diễn ra sắp tới. Dòng tiền vẫn chưa mặn mà với các cổ phiếu vốn hoá lớn trên thị trường cơ sở vẫn đang là rào cản lớn nhất đối với thị trường chứng quyền. Ở thời điểm hiện tại, chúng tôi chưa thấy cơ hội nào thực sự rõ ràng trên thị trường chứng quyền, bên cạnh đó không có nhiều chứng quyền mới niêm yết với mức định giá hợp lý trong thời gian gần đây cũng khiến thị trường chứng quyền kém hấp dẫn.

Giá trị giao dịch và Khối lượng giao dịch

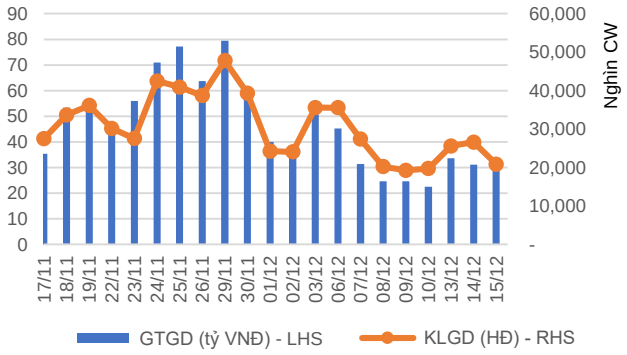

Phân bổ GTGD theo mã chứng quyền

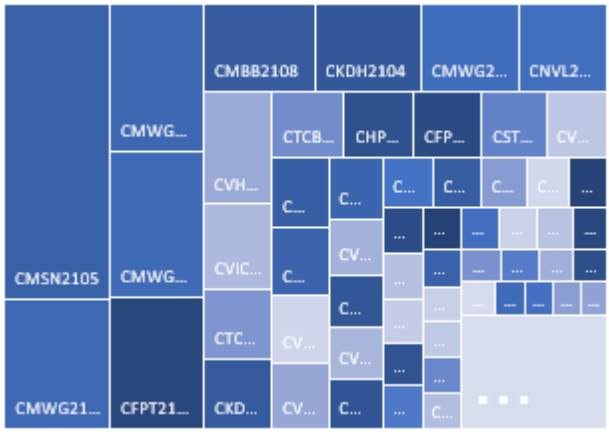

Phân bổ GTGD theo mã chứng khoán cơ sở

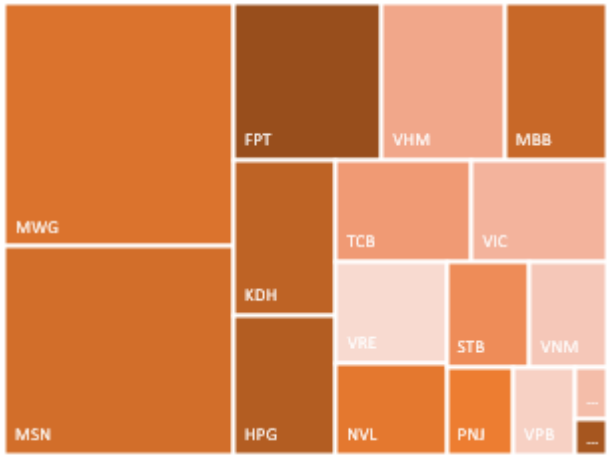

Nguồn: YSVN

KẾT QUẢ GIAO DICH TRONG PHIÊN VÀ CÁC CHỈ SỐ LIÊN QUAN

Mã	Thay đổi(+/-%)	Đóng cửa	KLGD (Hợp đồng)	GTGD (tỷ VNĐ)	Trạng thái tiền	Premium	Đòn bẩy	Số phiên còn lại	Độ biến động ngầm định
CACB2101	-1.0%	990	192,200	0.19	ITM	5.9%		25	69%
CACB2102	2.0%	2,520	90,900	0.22	OTM	19.9%		140	55%
CFPT2102	-3.5%	1,650	21,300	0.04	ITM	1.3%	10.14	17	37%
CFPT2103	0.0%	1,030	37,900	0.04	OTM	8.4%	6.84	15	68%
CFPT2105	0.0%	2,400	584,300	1.42	ITM	1.0%	7.81	14	49%
CFPT2106	0.9%	1,170	152,100	0.17	ITM	2.8%	8.76	17	55%
CFPT2107	-18.9%	430	130,800	0.07	OTM	7.5%	8.52	28	46%
CFPT2108	1.0%	2,960	100	-	OTM	29.8%	2.16	143	74%
CFPT2109	3.0%	1,720	307,500	0.52	ATM	14.3%	3.97	80	62%
CFPT2110	2.5%	1,230	177,600	0.22	OTM	15.8%	4.59	52	54%
CHDB2103	6.9%	930	143,800	0.13	ITM	20.9%	2.60	93	95%
CHPG2109	-7.0%	530	63,900	0.03	OTM	19.3%	2.74	17	60%
CHPG2111	-3.1%	630	798,900	0.53	OTM	9.9%	5.60	14	86%
CHPG2112	-9.1%	400	53,900	0.02	OTM	10.2%	3.74	7	115%
CHPG2113	-0.7%	1,460	28,200	0.04	OTM	23.2%	2.49	57	87%
CHPG2114	0.0%	720	80,800	0.06	OTM	37.5%	1.41	93	93%
CHPG2115	-4.4%	430	28,200	0.01	OTM	24.9%	1.37	28	83%
CHPG2116	5.5%	1,720	119,200	0.20	OTM	46.7%	1.32	143	80%
CHPG2117	2.1%	990	312,400	0.31	OTM	39.5%	2.04	140	64%
CHPG2118	-2.3%	860	376,300	0.33	OTM	42.4%	1.31	98	76%
CKDH2104	-7.8%	2,820	383,900	1.08	ITM	0.1%	8.41	23	0%
CKDH2105	-4.0%	2,660	19,400	0.05	ITM	-2.7%	4.66	7	0%
CKDH2106	-1.7%	2,900	12,900	0.04	ITM	4.6%	10.26	39	31%
CKDH2107	-4.7%	1,210	461,200	0.55	ITM	8.0%	4.34	93	53%
CMBB2103	-6.7%	280	183,300	0.05	OTM	24.0%	0.38	15	77%
CMBB2104	-4.3%	450	238,500	0.10	OTM	15.8%	4.09	23	61%
CMBB2105	2.0%	520	153,300	0.07	OTM	28.6%	2.14	39	56%
CMBB2106	-11.8%	300	35,600	0.01	OTM	23.9%	1.37	28	78%
CMBB2107	0.0%	1,860	49,700	0.09	OTM	18.7%	3.42	80	67%
CMBB2108	1.9%	1,100	1,057,100	1.13	OTM	13.4%	5.23	52	55%
CMBB2109	7.2%	740	434,300	0.28	OTM	28.5%	2.30	98	73%
CMSN2104	4.6%	5,230	90,600	0.46	ITM	9.2%	2.78	98	85%
CMSN2105	10.6%	6,490	586,000	3.63	ITM	2.9%	4.78	14	106%
CMSN2107	6.4%	3,500	15,200	0.05	ITM	7.4%	5.79	62	45%
CMSN2108	8.6%	1,260	134,200	0.17	OTM	18.7%	3.27	93	69%
CMSN2109	-6.3%	1,190	313,100	0.45	ITM	5.3%	7.21	39	44%
CMSN2110	9.8%	2,910	139,700	0.39	ITM	9.7%	4.00	80	62%
CMWG2104	0.8%	7,340	219,900	1.59	ITM	2.6%	2.74	67	72%
CMWG2106	0.4%	2,790	571,400	1.60	ITM	2.4%	6.71	15	70%
CMWG2107	3.3%	8,100	203,200	1.59	ITM	1.2%	4.98	14	78%
CMWG2108	-2.2%	3,550	4,600	0.01	ITM	6.6%	5.34	62	47%
CMWG2109	-5.8%	7,530	16,200	0.12	ITM	2.3%	4.91	39	50%
CMWG2110	8.6%	880	17,600	0.02	ITM	4.9%	8.10	28	46%
CMWG2111	5.6%	1,890	48,600	0.09	ITM	10.4%	4.56	80	53%
CMWG2112	3.6%	2,300	438,400	0.99	OTM	12.3%	5.49	52	55%
CNVL2103	7.9%	2,600	355,600	0.91	ITM	5.3%	8.07	23	67%
CNVL2104	5.9%	1,070	182,400	0.19	ITM	16.2%	3.72	93	72%
CPDR2103	3.2%	1,280	49,800	0.06	ITM	11.3%		93	65%
CPNJ2104	-16.2%	310	343,200	0.11	OTM	12.5%	5.86	15	62%
CPNJ2105	-8.3%	1,100	282,400	0.29	ITM	1.4%	13.02	14	31%
CPNJ2106	-1.3%	2,300	400	-	ITM	10.5%	5.06	62	55%
CPNJ2107	-5.8%	490	2,800	-	OTM	13.5%	10.56	39	39%
CPNJ2108	12.9%	790	44,100	0.03	ITM	9.0%	5.47	39	63%
CPNJ2109	0.0%	570	362,700	0.20	OTM	24.2%	2.82	98	71%
CSTB2105	0.0%	800	85,300	0.07	OTM	7.5%	12.66	17	46%
CSTB2107	0.0%	490	313,500	0.15	OTM	15.1%	6.03	23	61%
CSTB2109	8.9%	1,960	257,700	0.49	OTM	14.9%	3.91	57	74%

CSTB2110	3.4%	600	269,800	0.16	ITM	17.5%	2.73	98	93%
CSTB2111	15.7%	590	120,600	0.07	ATM	14.9%	3.76	57	78%
CTCB2105	0.0%	2,750	196,300	0.55	OTM	14.4%	5.14	39	60%
CTCB2106	-2.3%	420	214,600	0.09	OTM	25.1%	2.66	78	76%
CTCB2107	-5.7%	660	94,000	0.06	OTM	23.5%	3.31	140	56%
CTCB2108	1.7%	3,660	200	-	OTM	5.8%	10.67	14	51%
CTCB2109	0.0%	1,860	79,200	0.15	OTM	9.1%	4.84	7	112%
CTCB2110	0.0%	460	134,100	0.06	OTM	22.4%	4.21	39	52%
CTCB2111	0.6%	1,550	2,400	-	OTM	15.9%	3.79	57	73%
CTCB2112	0.7%	1,350	431,000	0.57	OTM	25.1%	2.48	93	81%
CVHM2107	0.0%	900	317,200	0.26	OTM	12.9%	4.51	39	73%
CVHM2108	-15.3%	500	20,600	0.01	OTM	23.3%	3.24	140	56%
CVHM2109	-2.0%	490	266,700	0.11	OTM	23.1%	2.96	98	67%
CVHM2110	5.5%	1,340	19,200	0.02	OTM	29.0%	2.79	173	57%
CVHM2111	1.5%	690	136,700	0.09	OTM	10.4%	5.76	15	64%
CVHM2112	-2.2%	870	136,400	0.11	OTM	5.7%	15.07	14	39%
CVHM2113	1.4%	2,240	195,000	0.43	ITM	14.2%	3.60	93	66%
CVHM2114	3.0%	690	1,329,300	0.90	ITM	13.0%	3.43	80	81%
CVHM2115	6.3%	1,190	117,400	0.13	ITM	15.5%	3.44	98	67%
CVIC2104	-4.5%	420	97,400	0.04	ITM	1.7%	12.55	14	37%
CVIC2105	-11.5%	540	654,600	0.35	OTM	15.6%	4.04	93	54%
CVIC2106	2.2%	950	353,100	0.32	OTM	15.3%	4.21	19	52%
CVIC2107	-4.5%	2,360	293,100	0.67	OTM	14.3%	2.55	15	70%
CVIC2108	-6.3%	1,200	94,500	0.10	OTM	9.8%	8.35	14	48%
CVJC2101	-5.3%	1,600	98,300	0.16	OTM	8.5%	7.48	17	58%
CVJC2103	1.3%	770	31,900	0.02	OTM	32.0%	1.61	93	93%
CVNM2106	-6.9%	270	44,700	0.01	OTM	19.3%	3.36	80	64%
CVNM2107	-10.7%	250	47,400	0.01	OTM	23.9%	2.82	98	64%
CVNM2109	-6.1%	310	721,200	0.21	OTM	8.6%	7.17	23	61%
CVNM2110	0.0%	360	36,800	0.01	OTM	21.7%	4.99	62	56%
CVNM2111	0.0%	760	4,300	-	OTM	17.9%	3.20	57	91%
CVNM2112	-0.8%	1,260	143,700	0.18	OTM	20.0%	4.27	28	68%
CVNM2113	0.0%	640	747,100	0.47	OTM	33.5%	1.80	78	106%
CVPB2106	-13.3%	850	176,000	0.16	ITM	15.8%	3.50	98	65%
CVPB2107	-2.7%	3,600	9,100	0.03	ITM	1.5%	8.73	14	47%
CVPB2108	0.0%	2,140	105,600	0.21	ITM	0.8%	11.75	7	47%
CVPB2109	-7.9%	350	91,100	0.03	ITM	10.6%	4.30	57	68%
CVPB2110	61.1%	2,900	96,500	0.16	ITM	16.9%	3.27	93	72%
CVRE2105	1.9%	1,050	172,300	0.18	OTM	10.6%	7.12	28	56%
CVRE2106	0.7%	1,460	314,700	0.44	OTM	12.8%	5.74	52	53%
CVRE2108	1.8%	570	91,900	0.05	OTM	26.0%	3.21	98	64%
CACB2101	-1.0%	990	192,200	0.19	ITM	5.9%		25	69%
CACB2102	2.0%	2,520	90,900	0.22	OTM	19.9%		140	55%
CFPT2102	-3.5%	1,650	21,300	0.04	ITM	1.3%	10.14	17	37%
CFPT2103	0.0%	1,030	37,900	0.04	OTM	8.4%	6.84	15	68%
CFPT2105	0.0%	2,400	584,300	1.42	ITM	1.0%	7.81	14	49%
CFPT2106	0.9%	1,170	152,100	0.17	ITM	2.8%	8.76	17	55%
CFPT2107	-18.9%	430	130,800	0.07	OTM	7.5%	8.52	28	46%
CFPT2108	1.0%	2,960	100	-	OTM	29.8%	2.16	143	74%
CFPT2109	3.0%	1,720	307,500	0.52	ATM	14.3%	3.97	80	62%
CFPT2110	2.5%	1,230	177,600	0.22	OTM	15.8%	4.59	52	54%

Nguồn: FiinPro, YSVN

Premium = (Giá thực hiện + Giá chứng quyền x Tỷ lệ chuyển đổi) - Giá hiện tại của CKCS (Chênh lệch giữa Giá hòa vốn và giá hiện tại của CKCS).
Đòn bẩy (Effective gearing) càng cao thì độ biến động theo CKCS càng lớn.
Để hạn chế rủi ro, NĐT nên lựa chọn những Chứng quyền đang có Trạng thái tiền dương (ITM), có Tỷ lệ Premium hoặc Độ biến động ngầm định thấp.
Ngoài ra, NĐT cũng nên ưu tiên giao dịch các Chứng quyền có Số phiên còn lại (thời gian tới khi đáo hạn) cao (trên 02 tuần) để hạn chế rủi ro.

BẢNG TỔNG HỢP KHUYẾN NGHỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU CƠ SỞ

Mã	Giá khuyến nghị	Giá hiện tại	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức mục tiêu ngắn hạn	*Upside ngắn hạn so với giá hiện tại*	Mức cắt lỗ ngắn hạn	Reward/Risk
CTD	75.20	91.20	TĂNG	TĂNG	84.62	13%	84.87	(0.97)
DPM		51.00	GIẢM	TĂNG			51.17	-
FPT		95.90	GIẢM	TĂNG			98.91	-
HDB		30.05	GIẢM	TĂNG			32.52	-
HPG		47.80	GIẢM	GIẢM			49.03	-
MBB		28.50	GIẢM	GIẢM			29.52	-
MSN	146.80	161.00	TĂNG	TĂNG	167.50	14%	148.92	(9.75)
MWG		135.90	GIẢM	TĂNG			137.32	-
NVL	106.20	115.00	TĂNG	GIẢM	124.55	17%	109.15	(6.22)
PNJ		96.00	GIẢM	GIẢM			98.94	-
REE		66.00	GIẢM	TĂNG			70.92	-
ROS	5.75	10.05	TĂNG	GIẢM	10.95	90%	8.22	(2.10)
STB		28.35	GIẢM	GIẢM			29.74	-
TCB		50.20	GIẢM	GIẢM			52.69	-
VHM		82.60	GIẢM	TĂNG			84.11	-
VIC	91.90	100.00	GIẢM	GIẢM	104.89	14%	101.83	(1.31)
VJC	125.80	124.00	TĂNG	TĂNG	136.52	9%	119.20	1.63
VNM		86.30	GIẢM	GIẢM			88.32	-
VPB		34.65	GIẢM	GIẢM			37.64	-
VRE	30.10	30.40	TĂNG	GIẢM	33.63	12%	28.71	2.53

Nguồn: YSVN

ĐỘ BIẾN ĐỘNG NGẦM ĐỊNH CỦA CHỨNG QUYỀN VS. ĐỘ BIẾN ĐỘNG QUÁ KHỨ CỦA CKCS

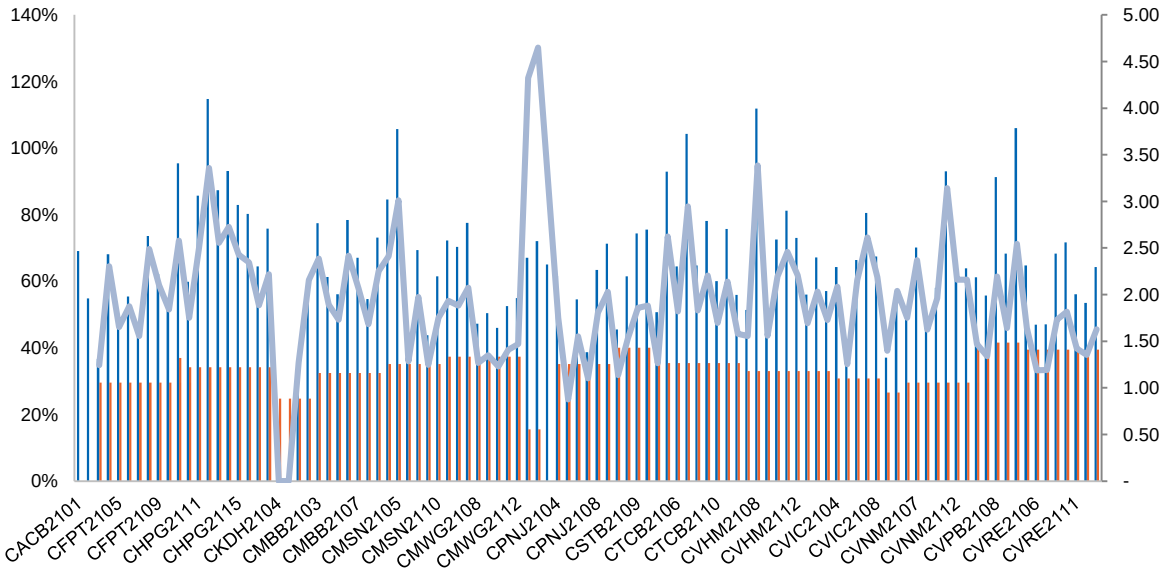

Nguồn: YSVN

(*) Cột màu cam là Độ biến động quá khứ của cổ phiếu cơ sở; Cột màu xanh là Độ biến động ngầm định của CW; Đường trend line màu xanh là tỷ lệ Độ biến động ngầm định/Độ biến động lịch sử.

(*) NĐT có thể sử dùng "Độ biến động ngầm định" để so sánh các chứng quyền có cùng chứng khoán cơ sở. Độ biến động ngầm định càng lớn thì kỳ vọng về mức độ biến động giá của CKCS càng cao (hay nói cách khác, Độ biến động ngầm định càng lớn thì chứng quyền càng đắt).

THÔNG TIN CHỨNG QUYỀN

Mã chứng quyền	TCPH	Thời hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá phát hành	Khối lượng phát hành	Giá thực hiện	Ngày giao dịch cuối cùng
CACB2101	MBS	4 tháng	4.00000 : 1	2,000	4,000,000	31,400	19/01/2022
CACB2102	SSI	8 tháng	2.00000 : 1	2,900	15,000,000	35,000	29/06/2022
CFPT2102	VCI	6 tháng	4.94740 : 1	4,000	1,000,000	89,053	07/01/2022
CFPT2103	HCM	6 tháng	4.94740 : 1	3,000	5,000,000	98,947	05/01/2022
CFPT2105	SSI	5 tháng	4.94740 : 1	3,500	12,000,000	85,095	04/01/2022
CFPT2106	MBS	4.5 tháng	8.00000 : 1	2,650	2,000,000	89,300	07/01/2022
CFPT2107	VND	4 tháng	12.00000 : 1	1,500	6,000,000	98,000	24/01/2022
CFPT2108	BSI	9 tháng	6.00000 : 1	3,280	1,500,000	106,835	04/07/2022
CFPT2109	HCM	6 tháng	8.00000 : 1	1,900	10,000,000	96,000	06/04/2022
CFPT2110	SSI	4 tháng	5.00000 : 1	2,400	17,000,000	105,000	25/02/2022
CHDB2103	KISVN	7 tháng	8.00000 : 1	1,000	3,000,000	28,888	25/04/2022
CHPG2109	VCI	6 tháng	1.00000 : 1	4,000	1,000,000	55,000	07/01/2022
CHPG2111	SSI	5 tháng	5.00000 : 1	1,700	25,000,000	48,000	04/01/2022
CHPG2112	MBS	4 tháng	6.00000 : 1	1,900	3,000,000	48,900	24/12/2021
CHPG2113	HCM	6 tháng	4.00000 : 1	2,400	10,000,000	51,500	04/03/2022
CHPG2114	KISVN	7 tháng	10.00000 : 1	1,200	10,000,000	56,789	25/04/2022
CHPG2115	VND	4 tháng	5.00000 : 1	1,500	7,000,000	56,000	24/01/2022
CHPG2116	BSI	9 tháng	4.00000 : 1	2,830	2,500,000	61,410	04/07/2022
CHPG2117	SSI	8 tháng	5.00000 : 1	2,320	22,000,000	60,000	29/06/2022
CHPG2118	KISVN	6 tháng	5.00000 : 1	2,000	8,000,000	61,999	02/05/2022
CKDH2104	SSI	5 tháng	2.00000 : 1	3,500	-	44,000	17/01/2022
CKDH2105	MBS	4 tháng	4.00000 : 1	2,150	2,000,000	37,600	24/12/2021
CKDH2106	VCI	6 tháng	1.00000 : 1	2,500	1,000,000	49,000	08/02/2022
CKDH2107	KISVN	7 tháng	8.00000 : 1	1,300	3,000,000	43,888	25/04/2022
CMBB2103	HCM	6 tháng	1.48150 : 1	3,000	5,000,000	34,815	05/01/2022
CMBB2104	SSI	5 tháng	2.00000 : 1	2,900	-	32,000	17/01/2022
CMBB2105	VCI	6 tháng	1.00000 : 1	2,500	1,000,000	36,000	08/02/2022
CMBB2106	VND	4 tháng	4.00000 : 1	1,000	3,000,000	34,000	24/01/2022
CMBB2107	HCM	6 tháng	2.00000 : 1	2,200	10,000,000	30,000	06/04/2022
CMBB2108	SSI	4 tháng	2.00000 : 1	1,880	23,000,000	30,000	25/02/2022
CMBB2109	KISVN	6 tháng	5.00000 : 1	1,100	1,200,000	32,789	02/05/2022
CMSN2104	ACBS	9 tháng	10.00000 : 1	5,200	5,000,000	118,000	02/05/2022
CMSN2105	SSI	5 tháng	5.00000 : 1	5,000	12,000,000	128,000	04/01/2022
CMSN2107	VCI	6 tháng	5.00000 : 1	3,100	2,000,000	150,000	11/03/2022
CMSN2108	KISVN	7 tháng	20.00000 : 1	1,600	3,000,000	159,999	25/04/2022
CMSN2109	VND	4.3 tháng	12.00000 : 1	2,500	4,000,000	150,000	08/02/2022
CMSN2110	HCM	6 tháng	10.00000 : 1	2,200	10,000,000	142,000	06/04/2022
CMWG2104	ACBS	12 tháng	6.64440 : 1	2,400	2,000,000	89,699	18/03/2022
CMWG2106	HCM	6 tháng	6.64440 : 1	3,000	5,000,000	119,599	05/01/2022
CMWG2107	SSI	5 tháng	3.32220 : 1	6,600	12,000,000	109,632	04/01/2022
CPNJ2108	VND	4.3 tháng	13.91300 : 1	1,500	2,000,000	96,398	08/02/2022
CPNJ2109	KISVN	6 tháng	24.84470 : 1	1,000	2,500,000	108,212	02/05/2022
CSTB2105	VCI	6 tháng	1.00000 : 1	4,000	1,000,000	30,000	07/01/2022
CSTB2107	SSI	5 tháng	2.00000 : 1	2,600	-	32,000	17/01/2022
CSTB2109	HCM	6 tháng	2.00000 : 1	2,300	10,000,000	29,000	04/03/2022
CTCB2105	ACBS	9 tháng	5.00000 : 1	3,600	10,000,000	45,000	02/05/2022
CTCB2106	SSI	5 tháng	5.00000 : 1	2,000	-	55,000	17/01/2022
CTCB2107	MBS	4 tháng	7.00000 : 1	1,850	2,000,000	47,500	24/12/2021
CTCB2108	VCI	6 tháng	1.00000 : 1	5,000	2,000,000	58,000	11/03/2022

Nguồn: FiinPro, YSVN

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh
Giám đốc Nghiên cứu Phân tích
+84 28 3622 6868 ext 3826
minh.nguyen@yuanta.com.vn

Lý Thị Hiền
Trưởng phòng NC-PT
+84 28 3622 6868 ext 3908
hien.ly@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh
Phó Phòng NC-PT
+84 28 3622 6868 ext 3833
khanh.quach@yuanta.com.vn

Khổng Hữu Hiệp
Chuyên viên phân tích cao cấp
+84 28 3622 6868 ext 3912
hiep.khong@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng
Chuyên viên phân tích cao c
+84 28 3622 6868 ext 3832
hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát
Chuyên viên phân tích cao cấp
+84 28 3622 6868 ext 3880
phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Phạm Đắc Thành
Giám đốc Khu vực Miền Bắc
+84 28 3622 6868 ext 3416
thanh.pham@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy
Giám đốc chi nhánh Bình Dương
+84 28 3622 6868 ext 3505
thuy.vo@yuanta.com.vn

Lương Kỷ Tỵ
Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn
+84 28 3622 6868 ext 3653
ty.luong@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong
Giám đốc chi nhánh Đồng Nai
+84 28 3622 6868 ext 3701
phong.bui@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn
Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng
+84 28 3622 6868 ext 3301
tuan.vo@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang
Giám đốc chi nhánh Hà Nội
+84 28 3622 6868 ext 3404
quang.nguyen@yuanta.com.vn

Đinh Thị Thu Cúc
Giám đốc chi nhánh Vũng Tàu
+84 28 3622 6868 ext 3203
cuc.dinh@yuanta.com.vn

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12-month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2020 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or and any form or manner, without the express written consent of Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited.